

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CXD7 Nñm h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ãT : H c ph n : 122067101712 - V t lĩ E i c ng 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671031456	36CXD7	Nguy n T n Anh	10/10/1994				9.0			9.0	2.7	2.8	2.0	4.7	
2	3671031305	36CXD7	Nguy n Vñ B o	19/05/1994				6.0			6.0	1.8	2.5	1.8	3.6	
3	3671031458	36CXD7	Nguy n Vñ Bĩnh	04/01/1994				8.0			8.0	2.4	5.3	3.7	6.1	
4	3671031512	36CXD7	Nguy n Quang Cĩng	16/09/1989				6.0			6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
5	3671031584	36CXD7	ñ Thanh C	31/05/1994				7.0			7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	
6	3671031454	36CXD7	Tr n Quang Chung	30/10/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
7	3671031591	36CXD7	Nguy n Bĩnh Danh	16/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
8	3671031489	36CXD7	ñ i p Vñ Duy	05/10/1993				8.0			8.0	2.4	5.3	3.7	6.1	
9	3671031295	36CXD7	Bá Quang ã Ąg	04/03/1993				9.0			9.0	2.7	3.0	2.1	4.8	
10	3671031523	36CXD7	L² Vñ ã	20/11/1994				7.0			7.0	2.1	1.8	1.3	3.4	
11	3671031301	36CXD7	Ho Ąg Vñ ã c	21/09/1994				8.0			8.0	2.4	2.0	1.4	3.8	
12	3671031549	36CXD7	Nguy n ã ã ģ H i	12/03/1993				5.0			5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
13	3671031514	36CXD7	Nguy n Vñ H i	02/06/1994				9.0			9.0	2.7	4.0	2.8	5.5	
14	3671031488	36CXD7	L² Vñ H u	06/04/1993				8.0			8.0	2.4	3.3	2.3	4.7	
15	3671031550	36CXD7	Nguy n C»ng Hi u	12/09/1994				7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
16	3671031552	36CXD7	Tr n Minh Hi u	13/06/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
17	3671031575	36CXD7	Hũnh Quang Hi p	02/10/1994				6.0			6.0	1.8	2.8	2.0	3.8	
18	3671031287	36CXD7	Nguy n Nh t Huy	09/11/1994				7.0			7.0	2.1	3.8	2.7	4.8	
19	3671031476	36CXD7	ñ T n Khang	11/02/1994				8.0			8.0	2.4	4.5	3.2	5.6	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD7 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101712 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671031505	36CXD7	V ồ B ấ c h	Khoa	03/02/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
21	3671031279	36CXD7	Tr n Ng c Duy	Kh ng	09/12/1993				8.0			8.0	2.4	2.8	2.0	4.4	
22	3671031567	36CXD7	Nguy n Th	L c	26/06/1994				9.0			9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
23	3671031544	36CXD7	Nguy n V ng	L c	03/06/1994				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
24	3671031563	36CXD7	Nguy n Th ấ nh	Lu ấ n	06/01/1994				7.0			7.0	2.1	3.3	2.3	4.4	
25	3671031557	36CXD7	Phan T n	M nh	14/04/1994				7.0			7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	
26	3671031553	36CXD7	V ồ H ầ ng	M nh	03/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
27	3671031510	36CXD7	L 2 V ấ nh	Mu ng	22/05/1994				7.0			7.0	2.1	4.3	3.0	5.1	N HP
28	3671031478	36CXD7	Ph m V ấ nh	Ngh ấ	22/06/1992				9.0			9.0	2.7	3.8	2.7	5.4	
29	3671031559	36CXD7	Tr ng Th Kim	Nguy t	09/04/1994				9.0			9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
30	3671031290	36CXD7	Tr n Anh	Nh t	04/11/1993				9.0			9.0	2.7	2.5	1.8	4.5	
31	3671031543	36CXD7	Nguy n T ấ	Ph ấ t	07/08/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
32	3671031513	36CXD7	Nguy n Th ấ nh	Phong	04/10/1994				7.0			7.0	2.1	2.3	1.6	3.7	
33	3671031273	36CXD7	Phan Thanh	Phú c	01/09/1994				8.0			8.0	2.4	3.5	2.5	4.9	
34	3671031497	36CXD7	T Anh	Ph ng	22/05/1994				8.0			8.0	2.4	3.0	2.1	4.5	
35	3671031471	36CXD7	B ấ i V ấ nh	Quang	06/10/1993				7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
36	3671031464	36CXD7	L 2 Nh c Vi	Qu ấ n	11/04/1993				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
37	3671031278	36CXD7	L ồ Ph ấ t	Sang	13/12/1994				9.0			9.0	2.7	2.3	1.6	4.3	
38	3671031291	36CXD7	Nguy n Thanh	Sang	07/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD7 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067101712 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H V i T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671031468	36CXD7	Nguy n ấ nh S n	18/12/1994				6.0			6.0	1.8	2.3	1.6	3.4	N HP
40	3671031495	36CXD7	Nguy n Vi t S n	26/06/1993				7.0			7.0	2.1	1.5	1.1	3.2	
41	3671031492	36CXD7	Tr n B ấ nh Tâm	02/09/1993				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
42	3671031469	36CXD7	L ² Nh t Tân	13/07/1994				8.0			8.0	2.4	3.3	2.3	4.7	
43	3671031538	36CXD7	L ² ấ c T n	05/10/1994				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
44	3671031590	36CXD7	Tr n Vi t T i n	15/09/1994				8.0			8.0	2.4	1.5	1.1	3.5	
45	3671031280	36CXD7	ấ V ấ Nh To ấ n	05/12/1994				8.0			8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
46	3671031484	36CXD7	Nguy n H u Tu n	27/09/1994				9.0			9.0	2.7	2.5	1.8	4.5	
47	3671031504	36CXD7	Ph m ấ nh Tu n	19/04/1994				7.0			7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
48	3671031282	36CXD7	Nguy n V ấ Nh T ấ ng	29/11/1993				8.0			8.0	2.4	2.0	1.4	3.8	
49	3671031526	36CXD7	Nguy n B ấ nh Tri u	13/07/1993				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
50	3671031466	36CXD7	Nguy n ấ c Tr ng	17/10/1993				7.0			7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
51	3671031498	36CXD7	L ² H i V ấ n	21/03/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
52	3671031300	36CXD7	Nguy n Tr ng V n	10/09/1994				7.0			7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	
53	3671031467	36CXD7	Nguy n Thanh Vi m	21/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
54	3671031499	36CXD7	L ² H ng V ấ O	26/01/1994				7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	

T ng s : 54 h c sinh sinh vi² n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi ấ o Vi² n B M ấ n

Gi ấ o V Khoa